

Số: /2019/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cơ chế hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW xác định nhiệm vụ xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về cơ chế hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2020-2025;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1280/SGTVT-GT ngày 30/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cơ chế hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng đường giao thông nông thôn bị hư hỏng trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2020-2025, với nội dung chính như sau:

1. Phạm vi hỗ trợ: Hệ thống đường giao thông nông thôn bao gồm: Đường huyện, đường xã (đường từ trung tâm xã xuống thôn, liên xã, trục chính xã), đường liên thôn, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng đã được khai thác tối thiểu 08 năm bị hư hỏng, xuống cấp (*chiều dài bị hư hỏng hoàn toàn được hỗ trợ để sửa chữa, mở rộng tính theo thực tế từng đoạn tuyến bị hư hỏng, xuống cấp trên từng tuyến đường và danh mục các tuyến đường thuộc đối tượng được hỗ trợ do UBND cấp huyện kiểm tra, đề xuất và chịu trách nhiệm*).

2. Đối tượng, định mức xi măng sử dụng

a. Đối với các tuyến đường huyện: Sửa chữa, mở rộng các tuyến đường huyện (ĐH) đạt bề rộng mặt đường $B_m=5,5m$, chiều dày 22cm, mác bê tông đạt $300 daN/cm^2$, đá 2x4.

- Đối với các đoạn tuyến bị hư hỏng hoàn toàn mặt đường: định mức xi măng sử dụng 440 tấn/1km đường.

- Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ (Bm cũ = 3,0m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 200 tấn/1km đường.

- Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ (Bm cũ = 3,5m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 160 tấn/1km đường.

b. Đối với các tuyến đường xã (đường từ trung tâm xã xuống thôn, liên xã, trục chính xã): Sửa chữa, mở rộng các tuyến đường xã đạt bề rộng mặt đường tối đa Bm=5,5m, chiều dày 20cm, mác bê tông đạt 300 daN/cm², đá 2x4.

- Đối với các đoạn tuyến bị hư hỏng hoàn toàn mặt đường: định mức xi măng sử dụng 400 tấn xi măng/1km đường.

- Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ (Bm cũ = 3,0m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 185 tấn/1km đường.

- Đối với các đoạn tuyến đầu tư mở rộng kết hợp mặt đường cũ (Bm cũ = 3,5m) còn tốt tận dụng, định mức xi măng sử dụng 145 tấn/1km đường.

c. Đối với các tuyến đường bê tông giao thông nông thôn còn lại

- Đối với các đoạn tuyến đạt quy mô loại A, bề rộng mặt đường Bm=3,5m bị hư hỏng hoàn toàn, sửa chữa mặt đường bị hư hỏng đạt mác bê tông 250 daN/cm², đá 2x4, chiều dày 20cm; định mức xi măng sử dụng 220 tấn/1km đường.

- Đối với các đoạn tuyến đạt quy mô loại B, bề rộng mặt đường Bm=3,0m bị hư hỏng hoàn toàn, sửa chữa mặt đường bị hư hỏng đạt mác bê tông 250 daN/cm², đá 2x4, chiều dày 18cm; định mức xi măng sử dụng 170 tấn/1km đường.

3. Cơ chế hỗ trợ

- Tỉnh hỗ trợ toàn bộ lượng xi măng đến chân công trình để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường huyện, đường xã và sửa chữa các tuyến đường bê tông giao thông nông thôn còn lại đạt quy mô loại A, B.

- Phần kinh phí còn lại, các địa phương tự cân đối từ các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để xây dựng hoàn thành công trình, trên cơ sở dự toán công trình được lập theo hướng dẫn của các sở, ngành liên quan.

4. Nguồn vốn: Nguồn ngân sách do tỉnh quản lý.

5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn năm 2020 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH-CB, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng